| TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM |
|---|---|
| | Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |

Bản án số: 483/2021/HS-PT
Ngày 22 - 10 - 2021

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Thái Duy Nhiệm;

*Các Thẩm phán*: Ông Bùi Xuân Trọng;

Ông Bà Vũ Thị Thu Hà.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa*:** Ông Bùi Ngọc Tân - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22/10/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên toà công khai xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 878/2020/TLPT-HS ngày 15/10/2020 do có kháng cáo của bị cáo: Tráng A đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2020/HSST ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

** Bị cáo có kháng cáo:*

Tráng A, tên gọi khác: Không, sinh ngày 09/9/1989 tại Sơn La; giới tính: Nam;

ĐKHKTT và nơi ở: Bản B, xã B1, huyện B2, tỉnh Sơn La; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: H'Mông; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa 9/12; nghề nghiệp: Trồng trọt; con ông: Tráng A C (đã chết), con bà: Sồng Thị C1, sinh năm 1969; có vợ là: Giàng Thị C2, sinh năm 1994; có 04 con, lớn nhất sinh năm 2009; nhỏ nhất sinh năm 2018; anh chị em ruột trong gia đình có 05, bị cáo là con thứ hai; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/12/2019. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên, có mặt tại phiên tòa.

** Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn Hồng C3, Luật sư Văn phòng luật sư Đông Phương, Đoàn Luật sư tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

** Người làm chứng gồm:*

1. Hà Văn A1, sinh năm 1995;

Trú tại: Bản B1, xã B1, huyện B2, tỉnh Sơn La (đã chết);

2. Mùi Văn A2, sinh năm 1997;

Trú tại: Bản B3, xã B1, huyện B2, tỉnh Sơn La; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên.

## NHẬN THẤY

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 04 giờ 50 phút ngày 11/9/2017, tổ công tác Công an tỉnh Thái Nguyên làm nhiệm vụ tại khu vực tổ 19, thị trấn B4, huyện B5 (nay là phường B4, thành phố Thái Nguyên) tỉnh Thái Nguyên, phát hiện xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA loại xe Landcruiser BKS 30A-115.69, đang di chuyển trên đường hướng từ Núi Voi ra thị trấn B4 có biểu hiện nghi liên quan đến ma túy, trên xe lúc này có 02 người. Tổ công tác ra hiệu lệnh dừng xe để kiểm tra, tuy nhiên người lái xe không chấp hành mà điều khiển xe lùi vào xe ô tô nhãn hiệu HYUNDAI i10 BKS 20A-149.04, của tổ công tác đang dừng đỗ chặn phía sau, tiếp đó va vào bức tường xây của nhà bà Hoàng Thị C4 ở sát mép đường làm vỡ tường nơi lắp cửa sổ, rồi điều khiển xe bỏ chạy về phía đường tròn B4 ra quốc lộ 1B đi về phía thành phố Thái Nguyên, tổ công tác tiếp tục truy đuổi và nổ súng, khi đến khu vực tổ 4, thị trấn B4 thì hai đối tượng dừng xe và rời khỏi xe chạy thoát, tổ công tác đã mời người chứng kiến lập biên bản sự việc, biên bản hiện trường, thu giữ niêm phong xe ô tô Landcruiser BKS 30A-115.69 để tiến hành điều tra làm rõ.

Kiểm tra xe ô tô BKS 30A-115.69 thu giữ: Trong lòng chiếc lốp xe ô tô dự phòng lắp đặt dưới gầm xe phía sau có 46 (Bốn mươi sáu) bánh hình hộp chữ nhật; tại mặt sàn phía sau của hàng ghế sau có 01 khoang rỗng được đậy bằng 01 tấm tôn, các mép được gắn keo vào mặt sàn xe rồi phủ tấm lót sàn lên trên, trong khoang rỗng có chứa 34 (ba mươi tư) bánh hình hộp chữ nhật. Tổng là 80 (tám mươi) bánh đều có cùng kích thước 15cm x 10cm x 2,5 cm, bên ngoài được bọc bằng nhiều lớp nilon, bên trong các bánh đều có chứa chất bột màu trắng, toàn bộ số chất nghi ma túy trên được thu giữ, niêm phong theo quy định (các bì niêm phong ký hiệu A, B).

Ngoài ra còn thu giữ: 01 Chứng minh thư nhân dân mang tên Hà Văn A1, sinh ngày 26/6/1995, trú tại xã B1, huyện B2, tỉnh Sơn La, do Công an tỉnh Sơn La cấp ngày 27/11/2013; 01 thẻ của Ngân hàng BIDV mang tên Hà Văn A1; 01 giấy nghỉ phép do Đồn biên phòng B6 thuộc Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Sơn La, cấp ngày 20/9/2016 cho Hà Văn A1 là chiến sỹ Đồn biên phòng B6; 01 đăng ký xe ô tô BKS 30A-115.69 mang tên Lê Quang C5, sinh năm 1984, trú tại số nhà 503-A8 B7 Hà Nội; giấy kiểm định, bảo hiểm xe, cùng một số đồ vật khác có liên quan.

Tại các bản kết luận giám định chất ma túy số 1006 ngày 18/9/2017, số 1015 ngày 20/9/2017, số 1138, 1139 ngày 23/10/2018, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Nguyên, kết luận:

- Chất bột màu trắng trong các mẫu: G1, G2, G3 gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine, khối lượng thu giữ ban đầu là 1.030 gam

- Chất bột màu trắng trong các mẫu từ G4 đến G46 gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine, khối lượng thu giữ ban đầu là 14.935,92 gam

- Chất bột màu trắng trong các mẫu: G47, G48 gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine, khối lượng thu giữ ban đầu là 700,23 gam

- Chất bột màu trắng trong các mẫu từ G49 đến G80 gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine, khối lượng thu giữ ban đầu là 11.120,86 gam.

Như vậy: Tổng khối lượng chất ma túy loại Heroine thu giữ trên xe ô tô BKS 30A-115.69 là: 27.787,01 gam (Hai mươi bảy nghìn, bảy trăm tám mươi bảy phảy không một gam).

Ngày 19/6/2019 Hà Văn A1 cùng với Giàng A A3, sinh năm 1990, trú tại bản B7, xã B8, huyện B9, tỉnh Hòa Bình, đến nhà Nguyễn Thị Phương A4, sinh năm 1988, trú tại tổ 10, phường B4, thành phố Thái Nguyên; trong lúc đang ở nhà A4 thì bị tổ công tác Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên phát hiện bắt giữ. Ngày 06/11/2019 Mùi Văn A2 đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên đầu thú. Ngày 18/5/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã xét xử đối với Hà Văn A1 và Mùi Văn A2 về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy".

Quá trình điều tra Hà Văn A1 và Mùi Văn A2 khai: Do có mối quan hệ quen biết với Tráng A, trú tại bản B, xã B1, huyện B2, tỉnh Sơn La. Khoảng 17 giờ ngày 10/9/2017 A gọi điện cho A1, A2 đến nhà; tại đây A đặt vấn đề thuê A1 và A2 vận chuyển ma túy từ Sơn La đến huyện B5, tỉnh Thái Nguyên, với tiền công 50 triệu đồng/người. A1, A2 đồng ý; A nói ma túy đã cất giấu sẵn trên xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA loại xe Landcruiser BKS 30A-115.69 đang đỗ ở sân nhà A, nhưng chưa nói cụ thể loại gì và số lượng bao nhiêu, A lấy ma túy loại viên nén ra rồi cùng với A1, A2 sử dụng đồng thời đưa cho A2 5.000.000đ (Năm triệu đồng) để chi phí đi đường, A dặn A2 khi nào đến khu vực đường tròn thị trấn B4, huyện B5, tỉnh Thái Nguyên thì gọi điện A sẽ cho người đến nhận ma túy. Sau khi thống nhất như trên, A đưa chìa khóa xe ô tô cho A1 trực tiếp điều khiển, A2 ngồi ở ghế phụ phía trước bên phải cả hai cùng đi Thái Nguyên. Khoảng 04 giờ ngày 11/9/2017 khi đến khu vực tổ 19, thị trấn B4, huyện B5, tỉnh Thái Nguyên (nay là tổ 8, phường B4, thành phố Thái Nguyên) A1 điều khiển xe ô tô di chuyển trên đoạn đường từ Núi Voi sang thị trấn B4, A2 gọi điện thông báo với A là đã đến nơi, A nói cứ đi từ từ để đợi người đến nhận ma túy, ngay lúc đó bị tổ công tác của Công an tỉnh Thái Nguyên phát hiện đã sử dụng xe ô tô ép xe của A1 dừng lại sát lề đường, do trên xe có ma túy nên A1 không dừng mà điều khiển xe bỏ chạy ra hướng đường tròn B4 theo quốc lộ 1B đi sang thành phố Thái Nguyên, khi đến khu vực tổ 4, thị trấn B4 thì xe bị hỏng nên A1 bỏ lại xe rồi cùng A2 chạy mỗi người một hướng. Ngày 12/9/2017 cả hai về Sơn La gặp A thông báo việc bị công an tỉnh Thái Nguyên

phát hiện nên chưa giao được ma túy, đã bỏ lại xe ô tô và ma túy, trên xe vẫn còn giấy tờ tùy thân của A1. A nói trên xe có 80 bánh Heroine và công an sẽ truy bắt, A vẫn trả cho A1 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) tiền công, không trả tiền công cho A2, đồng thời bảo A2 và A1 ở lán trong rừng cách nhà A khoảng 700 m để trốn, toàn bộ số tiền A đưa cả hai đã chi tiêu hết, A1 và A2 trốn ở lán khoảng 01 tháng sau thì về nhà. Ngày 19/6/2019 A1 cùng với Giàng A A3, Sinh năm 1990, trú tại bản B7, xã B8, huyện B9, tỉnh Hòa Bình, đến nhà Nguyễn Thị Phương A4, sinh năm 1988, trú tại tổ 10, phường B4, thành phố Thái Nguyên, theo A1 khai là đến đòi tiền do A4 nợ Tráng A trước đó, trong lúc đang ở nhà A4 thì bị tổ công tác Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên phát hiện bắt giữ. Ngày 06/11/2019 Mùi Văn A2 đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên đầu thú. Ngày 18/5/2020 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã xét xử đối với Hà Văn A1 và Mùi Văn A2 về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy".

Với Tráng A, qua xác minh A không có mặt tại địa phương nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Nguyên đã tách hồ sơ vụ án, ra lệnh truy nã đối với A. Ngày 24/12/2019 Cơ quan điều tra Công an tỉnh Sơn La đã bắt giữ được A theo lệnh truy nã.

Tại cơ quan điều tra ban đầu Tráng A khai (BL 545- 548): Khoảng tháng 8/2017 Sồng A C6 là người A quen từ trước, trú tại bản B10, xã B1, huyện B2, tỉnh Sơn La bảo A đến khu vực thị trấn B4, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên gặp một người nữ giới tên là A4 nhận mặt để lần sau bán ma túy cho A4, C6 cho A số điện thoại của A4. A đồng ý đi Thái Nguyên khi đến thị trấn B4, A gọi điện cho A4 ra đón, gặp A4 nói chuyện, trao đổi để lần sau mang ma túy xuống bán cho A4. Khoảng 20 giờ ngày 09/9/2017, C6 đi một chiếc ô tô nhãn hiệu TOYOTA loại xe Landcruiser BKS 30A-115.69 đã cất giấu ma túy đến nhà và bảo A chuyển số ma túy đến thị trấn B4 giao bán cho A4, A đồng ý. Qua thỏa thuận, C6 sẽ trả công cho A 120.000.000đồng, C6 còn cho A 06 viên ma túy tổng hợp hồng phiến để sử dụng. Đến khoảng 17 giờ ngày 10/9/2017, A gọi điện thoại di động bảo A1 và A2 đến nhà để đi vận chuyển thuê đến thị trấn B4, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, khi nào đến nơi A2 sẽ gọi điện thoại thông báo thì A sẽ bảo người ra nhận ma túy và A sẽ trả tiền công cho mỗi người là 50.000.000đồng. A1 và A2 đồng ý, A đưa cho A2 số tiền 5.000.000đồng để mua xăng và chi phí dọc đường và giao chìa khóa xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA loại xe Landcruiser BKS 30A-115.69 cho A1 bảo trên xe đã cất giấu ma túy. Sau đó, A lấy ma túy tổng hợp hồng phiến cho A2, A1 và A sử dụng ngay tại nhà. Sau khi sử dụng ma túy xong, A1 lái xe ô tô chở A2 đi Thái Nguyên. Đến khoảng 04 giờ ngày 11/9/2017, A gọi điện cho A2 hỏi đi đến nơi chưa thì A2 bảo đang tìm đường đến B4 vì trời mưa không nhớ đường, A bảo A2 cứ đi tìm đường đến B4, đến nơi báo cho A biết, sau đó A gọi điện cho A4 bảo ra B4 đến nhận ma túy. A4 bảo không ra được vì trời mưa. A gọi điện bảo A2 chờ đến sáng, A ở nhà sau đó thấy A2 gọi điện bảo có xe chặn rồi A2 tắt máy luôn nên A không liên lạc với A2 nữa. Đến khoảng 7 giờ cùng ngày A gọi điện cho A4, thì A4 bảo xe bị chặn rồi, A nói A đã biết vì có em nó báo, sau đó không liên lạc với

nhau nữa. Đến chiều ngày 11/9/2017, A1 quay lại nhà A kể chuyện bị chặn xe và A1 còn quên giấy tờ trên xe ô tô. Ngày 12/9/2017, C6 đến gặp A và trả cho A 50.000.000đồng, A đưa số tiền trên cho A1 rồi cho A1 ở tại nhà A một thời gian để tránh bị lực lượng công an phát hiện. Sau đó A2 cũng đến nhà A kể chuyện bị chặn xe như A1 đã kể, A2 không được trả tiền công. Sau đó, A rủ A1 đến nhà A4 ở phường B4, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên chơi nên A1 cũng biết A4.

Quá trình điều tra về sau Tráng A phản cung không thừa nhận lời khai ban đầu và khai không quen biết với A1, A2; ngày 10/9/2017 không thuê A1 và A2 vận chuyển ma túy từ Sơn La đến Thái Nguyên, không biết nguồn gốc số ma túy bị thu giữ là của ai, không biết A4 và không được gọi điện cho A4, không biết chiếc xe TOYOTA loại xe Landcruiser BKS 30A-115.69 là của ai. Lời khai ban đầu tại cơ quan điều tra là A khai bừa, không đúng sự thật, quá trình khai báo A khai tự nguyện, không bị ai ép buộc gì.

Chiếc xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA loại xe Landcruiser BKS 30A-115.69, A1 và A2 sử dụng để vận chuyển ma túy ngày 10/9/2017 có đăng ký xe ô tô mang tên Lê Quang C5, qua điều tra xác định ngày 07/8/2017 anh C5 đã bán chiếc xe trên cho Nguyễn Hoài C7, sinh năm 1973, trú tại tiểu khu 68, B10, tỉnh Sơn La với giá 150.000.000đ, anh C6 đã giao xe và giấy tờ cho C7 nhưng chưa làm thủ tục sang tên đổi chủ theo quy định. Ngày 08/8/2017 tại huyện Mộc Châu anh C7 bán chiếc xe trên cho một người không quen biết với giá 170.000.000đ, đã giao xe và đăng ký xe mang tên Lê Quang C5 cùng toàn bộ giấy tờ xe cho người mua nhưng không viết giấy tờ mua bán.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2020/HS-ST ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã tuyên bố bị cáo Tráng A phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; áp dụng điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 40 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 367 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Tráng A tử hình và phạt bổ sung mỗi bị cáo 10.000.000đ. Ngoài ra bản án còn quyết định về xử lý vật chứng, nghĩa vụ nộp án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11/9/2020 bị cáo Tráng A có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, ngày 28/9/2020 có đơn kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Tráng A cho rằng do cán bộ trại tạm giam không cho viết đơn kháng cáo kêu oan, nên bị cáo phải viết đơn kháng cáo nội dung xin giảm nhẹ hình phạt, sau đó mới viết đơn kêu oan; bị cáo khẳng định mình bị oan, nên kháng cáo kêu oan và giữ nguyên nội dung kháng cáo.

*Bị cáo trình bày như sau:* Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo là không đúng; vì bị cáo không tham gia mua bán ma túy, không biết A2 và A1 là ai, Cơ quan Công an truy nã bị cáo khi bị cáo không phạm tội gì là không đúng; lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan Điều tra là không có thật, bị cáo không khai, không ký vào các

bản khai nhận tội; bị cáo sinh ngày 09/9/1989 chứ không phải sinh ngày 09/6/1994 như cấp sơ thẩm quy kết. Đề nghị Hội đồng xét xử minh oan cho bị cáo.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:* Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ; Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cho rằng, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án, căn cứ kết quả điều tra xác minh bổ sung thì đủ căn cứ xác định bị cáo Tráng A sinh ngày 09/9/1989.

Về nội dung vụ án: Căn cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa thì cấp sơ thẩm quy kết đối với bị cáo về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" là có căn cứ, đúng pháp luật, bị cáo không bị oan; với khối lượng ma túy bị cáo tham gia mua bán là đặc biệt lớn, nên bị cáo bị xét xử ở mức cao nhất của khung hình phạt là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm, không có thêm tình tiết gì mới đáng kể để làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt, nên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 354; Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, nhưng sửa bản án sơ thẩm về ngày, tháng, năm sinh của bị cáo A là ngày 09/9/1989.

** Luật sư bào chữa cho bị cáo trình bày bào chữa:* Không đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về quy kết bị cáo Tráng A phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; Viện kiểm sát chỉ căn cứ vào lời khai ngày 25/12/2019 của bị cáo để kết luận bị cáo phạm tội là chưa đủ. Bị cáo A bị bắt theo lệnh truy nã. Ngày 25/12/2019 việc lấy lời khai chỉ có bị cáo và Điều tra viên nên sẽ không khách quan, theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự thì việc hỏi cung bị can phải có Luật sư tham gia và ký xác nhận vào biên bản thì mới có giá trị pháp lý; lời khai của A1, A2 không khách quan vì A1 lúc đầu không khai cho A; tại phiên tòa sơ thẩm A2 không thừa nhận, A2 không phải tự thú. Việc Cơ quan Điều tra cũng như Viện kiểm sát chỉ dựa vào hai lời khai của A2 và A1 để buộc tội bị cáo A là chưa đủ; bởi vì các lời khai này có nhiều mâu thuẫn; quá trình điều tra thể hiện giữa bị cáo A, A2 và A1 có liên lạc với nhau trao đổi về việc vận chuyển ma túy, nhưng Cơ quan Điều tra không thu thập dữ liệu điện thoại của các bị cáo để xác định có sự việc này hay không. Từ phân tích trên, theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo là suy đoán vô tội, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về ngày, tháng, năm sinh của Tráng A: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo A khai sinh ngày 09/9/1989; tờ khai chứng minh thư nhân dân do Công an tỉnh Sơn La cấp ngày 08/3/2019 ghi Tráng A sinh ngày 09/9/1989. Tại bản kết luận giám định pháp y độ tuổi số 3097/C09 ngày 29/05/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an giám định về độ tuổi đối với Tráng A kết luận: "Căn cứ vào

mức độ phát triển thể chất cơ thể; sự phát triển và cốt hóa của các xương tay, chân và khung chậu; mức độ cốt hóa các đầu xương vào thân xương của các xương dài và khám chuyên khoa; xác định độ tuổi của Tráng A tại thời điểm giám định (tháng 5 năm 2020) là từ 25 năm đến 35 năm". Ngày 28/01/2021 Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội có Công văn số 641/CV-TA yêu cầu xác minh bổ sung lý lịch của bị cáo Tráng A; kết quả xác minh mẹ của bị cáo là Sồng Thị C1, các chị Tráng Thị C7 (sinh năm 1984), chị Tráng Thị C8 (sinh ngày 06/7/1990) là chị và em của bị cáo đều khẳng định bị cáo Tráng A là con thứ hai trong gia đình có 05 chị em, bị cáo A sinh sau chị Tráng Thị Mỷ và là anh (sinh trước) các chị Tráng Thị Cở (Khà Y Cợ), Tráng Thị Xế và Tráng Thị Sai. Ngày 22/4/2021 Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội tiếp tục có Công văn số 3565/CV-TA yêu cầu xác minh tại Sở Tư pháp tỉnh Sơn La là cơ quan quản lý về hộ tịch, cấp lý lịch tư pháp. Căn cứ Công văn số 656/STP-HCTP&BTTP ngày 10/6/2021 của Sở Tư pháp tỉnh Sơn La thể hiện: "UBND xã B1, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La (nay là xã B1, huyện B2) có đăng ký khai sinh cho ông Tráng A tại sổ hộ tịch gốc số 153, quyển số 05/2011, với thông tin *"Họ và tên: Tráng A, ngày, tháng, năm sinh: 09/9/1989; nơi sinh: Bản B, xã B1, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La; dân tộc: Mông; quốc tịch: Việt Nam; quê quán: Bản B, xã B1 huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La; có cha là: Tráng A C, sinh năm 1969; mẹ là Sồng Thị C1, sinh năm 1969; người đăng ký khai sinh là bố đẻ Tráng A C; ngày đăng ký khai sinh: 05/12/2011"*. Hồ sơ đăng ký khai sinh đã thất lạc; không có dữ liệu, thông tin, hồ sơ lưu trữ cho thấy Phòng Tư pháp huyện Mộc Châu (nay là huyện B2) hay UBND xã B1, huyện B2, tỉnh Sơn La đã tham mưu hay thực hiện giải quyết việc thay đổi, cải chính thông tin đăng ký khai sinh của Tráng A; quá trình xác minh thể hiện Tráng A có chị gái là Tráng Thị C10 (sinh năm 1984), và 03 em gái là: Tráng Thị Cở (sinh ngày 06/7/1990), Tráng Thị Xê (sinh năm 1991) và Tráng Thị Sai (sinh ngày 20/6/2001). Từ kết quả điều tra, xác minh trên Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ để xác định ngày, tháng, năm sinh của công dân là Giấy khai sinh và Sổ đăng ký khai sinh được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đăng ký và cấp; Giấy khai sinh của Tráng A thể hiện bị cáo sinh ngày 09/9/1989 phù hợp với sổ hộ tích gốc số 153 quyển số 05/2011 của UBND xã B1; đến thời điểm hiện tại, Cơ quan có thẩm quyền xác nhận chưa có thông tin thay đổi, cải chính thông tin đăng ký khai sinh của Tráng A; những thông tin trong sổ hộ tịch và Giấy khai sinh của bị cáo phù hợp với kết quả xác minh thể hiện bị cáo có chị sinh năm 1984 và 03 em (sinh năm 1990, 1991, 2001). Do đó, có đủ cơ sở kết luận bị cáo Tráng A sinh ngày 09/9/1989, cấp sơ thẩm đang xác định bị cáo sinh ngày 09/6/1994 là thiếu căn cứ. Tuy nhiên, nội dung này đã được cấp phúc thẩm điều tra, xác minh làm rõ nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại; nhưng cấp sơ thẩm cũng cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa phúc thẩm, mặc dù bị cáo Tráng A không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không biết Hà Văn A1 và Mùi Văn A2 là ai, nên không thuê A1, A2 vận chuyển ma túy đi Thái Nguyên, bị cáo vẫn cho rằng mình bị oan. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của Hà Văn A1, Mùi Văn A2

trong suốt quá trình điều tra và được thẩm tra, đối chất tại phiên tòa xét xử A2 và A1 ngày 18/5/2020; Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã kết án đối với A1, A2 về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy". Đối chiếu lời khai này của Hà Văn A1, Mùi Văn A2 thấy phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo Tráng A ngày 24/12/2019 và ngày 25/12/2019, phù hợp với việc khi Cơ quan Điều tra giao các quyết định khởi tố cho bị cáo A, bị cáo nhất trí và không có ý kiến gì; phù hợp với vật chứng đã được thu giữ là 80 bánh Heroin, 01 xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA Landcruiser biển kiểm soát 30A-115.69 vào ngày 11/9/2017, phù hợp với các chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, Mùi Văn A2 thay đổi lời khai cho rằng, ngày 10/9/2017 Mùi Văn A2 không gặp Tráng A, không được A đưa số tiền 5.000.000đ, không vận chuyển thuê ma túy cho Của; A2 chỉ quen biết A vì trước đây hai người học cùng trường với nhau, nhưng việc thay đổi lời khai này củabị cáo là không có căn cứ. Bởi vì, chính A2 là người đã đến Cơ quan Điều tra đầu thú và tự khai nhận, quá trình điều tra, đến thời điểm xét xử đối với Mùi Văn A2 không có bất cứ khiếu nại gì về hành vi của người cũng như cơ quan tiến hành tố tụng; tại phiên tòa sơ thẩm xét xử đối với A1 và A2, chính A2 thừa nhận việc khai nhận của mình trong quá trình điều tra là khách quan, đúng với sự việc diễn ra. Đặc biệt, tại các phiên tòa xét xử sơ thẩm và phúc thẩm Mùi Văn A2 vẫn khẳng định bản án sơ thẩm Của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã quy kết mình là có căn cứ, đúng pháp luật, nên bị cáo tuy có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm ngày 02/4/2021 Mùi Văn A2 đã tự nguyên rút đơn kháng cáo, nên Hội đồng xét xử đã đình chỉ xét xử phúc thẩm và bản án xét xử đối với Mùi Văn A2 đã có hiệu lực pháp luật. Ngày 02/4/2021 Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã mở phiên tòa phúc thẩm để xét xử bị cáo Của, Hội đồng xét xử đã trích xuất Hà Văn A1 và Mùi Văn A2 để đối chất, nhưng Hà Văn A1 đã chết; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo A cho rằng mình không quen biết A2, chưa gặp A2 bao giờ; nhưng Mùi Văn A2 tuy không khẳng định là A trực tiếp thuê mình vận chuyển ma túy, nhưng thừa nhận giữa A2 và A có quen biết nhau, trước đây từng là bạn học, A2 thừa nhận ngày 10/9/2017 A2 và A1 đến nhà A, tại đây giữa A1 và A trao đổi gì đó với nhau nhưng A2 không nắm được nội dung, chỉ biết A nhờ A1, A2 đưa xe ô tô đi sang thị trấn B4, huyện B5, tỉnh Thái Nguyên nên sau đó cả hai lái xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA loại xe Landcruiser BKS 30A-115.69 đang đỗ ở sân nhà A đi Thái Nguyên, đến khoảng 04 giờ ngày 11/9/2017 khi đến khu vực tổ 19, thị trấn B4, huyện B5, tỉnh Thái Nguyên khi A1 đang điều khiển xe ô tô di chuyển trên đường thì bị tổ công tác Công an tỉnh Thái Nguyên ép xe của A1 dừng lại sát lề đường, A1 không dừng mà điều khiển xe bỏ chạy ra hướng đường tròn B4 theo quốc lộ 1B đi sang thành phố Thái Nguyên, khi đến khu vực tổ 4, thị trấn B4 thì xe bị hỏng nên A1 bỏ lại xe rồi cùng A2 chạy mỗi người một hướng. Như vậy, từ phân tích trên Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ căn cứ để kết luận: Do có mục đích mua bán ma tý, Tráng A biết trong xe ô tô biển kiểm soát 30A-115.69 cất giấu sẵn ma túy, ngày 10/9/2017 Tráng A đã thuê Hà Văn A1, Mùi Văn A2 điều khiển xe ô tô vận chuyển số ma túy

trên đến giao cho một người tại khu vực thị trấn B4, huyện B5, tỉnh Thái Nguyên với giá thuê vận chuyển là 50.000.000đ/1 người; khoảng 4 giờ 50 ngày 11/9/2017 khi A1 điều khiển xe ô tô đến khu vực tổ 19, thị trấn B4, huyện B5, tỉnh Thái Nguyên thì bị phát hiện truy bắt, thu giữ tang vật là 01 xe ô tô và 80 bánh ma túy loại Heroin. Hành vi đó của bị cáo Tráng A đã đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy"; cấp sơ thẩm xét xử, quy kết bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật, bị cáo không bị oan.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, không chỉ xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý các chất ma túy mà còn gây nguy hại lớn cho xã hội và con người, ma túy là nguyên nhân làm phát sinh các loại tội phạm khác, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình trật tự trị an ở địa phương, nên cần phải xử phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội mới có tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Căn cứ Kết luận giám định thì khối lượng chất ma túy bị cáo A mua bán là 27.787,01 gam Heroin; bị cáo phạm tội ngày 10/9/2017 là thời điểm Bộ luật hình sự năm 1999 đang có hiệu lực pháp luật, khung hình phạt của tội này được quy định tại khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, và khung hình phạt được quy định tại khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 có khung hình phạt như nhau, với khối lượng Heroin bị cáo mua bán khi bị bắt quả tang, nên cấp sơ thẩm quy kết, xét xử bị cáo theo điểm b khoản 4 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo, thấy: Như đã phân tích ở trên thì bị cáo không bị oan; khi xét xử sơ thẩm, cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, đã xem xét đầy đủ tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhưng xử phạt bị cáo với mức án tử hình là có căn cứ; tại cấp phúc thẩm bị cáo không có thêm tình tiết giảm nhẹ gì mới làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để giảm hình phạt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị không chấp nhận kháng cáo là có căn cứ.

[5] Do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Tráng A; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 29/2020/HSST ngày 08/9/2020 Của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Tuyên bố bị cáo Tráng A, sinh ngày 09/9/1989 phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm b khoản 4, khoản 5 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 40 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm d khoản 1 Điều 367 Bộ luất tố tụng hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Tráng A tử hình và phạt bổ sung 10.000.000đ sung quỹ Nhà nước. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm, bị cáo Tráng A có quyền làm đơn gửi Chủ tịch Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam để xin ân giảm án tử hình.

Áp dụng khoản 4 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Buộc bị cáo Tráng A phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 29/2020/HSST ngày 08/9/2020 Của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***
- VKS cấp cao Hà Nội;
- Vụ 1, TAND tối cao;
- VKS tỉnh Thái Nguyên;
- Cơ quan Cảnh sát Điều tra CA tỉnh Thái Nguyên;
- Trại Tạm giam tỉnh Thái Nguyên;
- Toà án ND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo (qua trại tạm giam);
- Lưu: HSVA; HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Duy Nhiệm**